



SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

KHANH HOA CENTER FOR DISEASES CONTROL

Phòng Chống Dịch Bệnh
Sức Mạnh Chung Tôi



MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Những nội dung cơ bản

- Thông tư 13/2006/TTLT-BYT-BGDĐT: Quy định công tác y tế trường học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Thông tư 33/2021/TT-BYT: Quy định công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Thông tư 13/2006/TTLT-BYT- BGDĐT

- Bảo đảm các điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng, đồ chơi trong trường học
- Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước, vệ sinh môi trường
- Bảo đảm các điều kiện về phòng y tế, nhân viên y tế trường học
- Ban chăm sóc sức khỏe học sinh

**ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ
PHÒNG HỌC, BÀN GHẾ, BẢNG,
CHIẾU SÁNG VÀ ĐỒ CHƠI**

I. Bảo đảm các điều kiện về phòng học

Mầm non	Tiểu học	THCS, THPT
<i>Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia</i>		
Mục 5.2 (TCVN 3907: 2011)	Mục 5.2 (TCVN 8793: 2011)	Mục 5.2 (TCVN 8794: 2011)

I. Bảo đảm các điều kiện về phòng học (tt)

Mầm non	Tiểu học	THCS, THPT
<i>Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia</i>		
Mục 5.2 (TCVN 3907: 2011)	Mục 5.2 (TCVN 8793: 2011)	Mục 5.2 (TCVN 8794: 2011)
Phòng sinh hoạt chung: 1,5 - 1,8m ² /trẻ (không nhỏ hơn 36m ² lớp mẫu giáo)	Diện tích phòng 1,25m ² /hs	Phòng học: 1,5m ² /hs Phòng bộ môn (hóa, lý, ngoại ngữ, tin): 1,85 – 2m ² /hs và có phòng chuẩn bị có diện tích từ 12 m ² đến 27 m ²
Phòng ngủ 1,2 – 1,5m ² /trẻ (không nhỏ hơn 30m ² lớp mẫu giáo)	Phòng học phải thiết kế có hai cửa ra vào , một cửa bố trí ở đầu lớp, một cửa bố trí ở cuối lớp.	
- Phòng vệ sinh: 0,4 – 0,6m ² /trẻ (không nhỏ hơn 12m ² /phòng) - Có vách ngăn cao 1,2 m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu	Cửa đi phải thiết kế hai cánh, có chiều rộng không nhỏ hơn 1,0 m và mở ra phía hành lang	



I. Bảo đảm các điều kiện về bàn ghế

Đối với trường Mầm non:

Áp dụng theo TCVN 1993

- Chiều cao bàn, ghế cần phù hợp với chiều cao trẻ.
- Khoảng cách giữa chiều cao bàn và mặt ghế ngồi **không thấp hơn 220 mm và không cao hơn 270 mm.**

I. Bảo đảm các điều kiện về bàn ghế (tt)

Đối với Trường tiểu học; THCS; THPT; Trường phổ thông có nhiều cấp học; trường chuyên biệt

Áp dụng theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT

I. Bảo đảm các điều kiện về bàn ghế (tt)

Đối với Trường tiểu học; THCS; THPT; Trường phổ thông có nhiều cấp học; trường chuyên biệt

(Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)

Quy định cỡ số và mã số bàn ghế theo nhóm chiều cao học sinh:

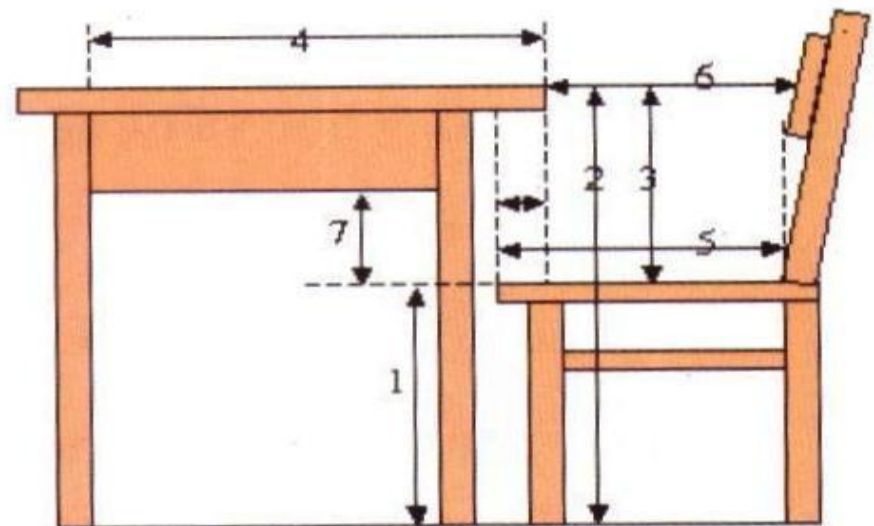
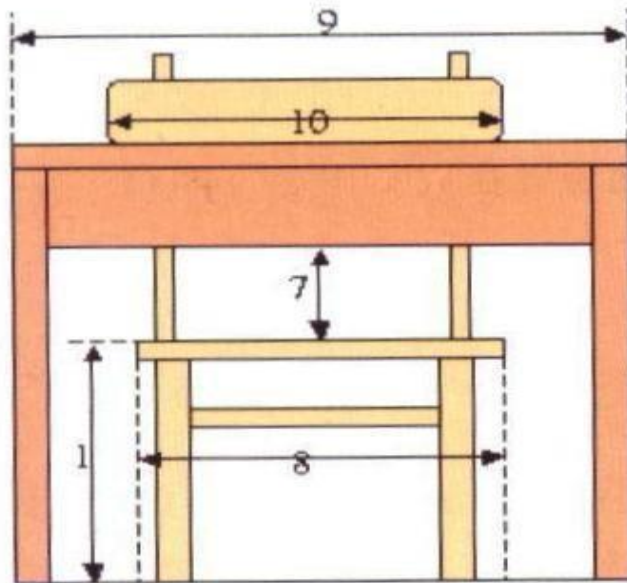
Cỡ số	Mã số	Chiều cao học sinh (cm)
I	I/100 - 109	Từ 100 đến 109
II	II/110 - 119	Từ 110 đến 119
III	III/120 - 129	Từ 120 đến 129
IV	IV/130 - 144	Từ 130 đến 144
V	V/145 - 159	Từ 145 đến 159
VI	VI/160 - 175	Từ 160 đến 175

I. Bảo đảm các điều kiện về bàn ghế (tt)

Đối với Trường tiểu học; THCS; THPT; Trường phổ thông có nhiều cấp học; trường chuyên biệt

Quy định kích thước cơ bản của bàn ghế (sai số cho phép của kích thước là $\pm 0,5\text{cm}$)

Thông số	Cỡ số					
	I	II	III	IV	V	VI
- Chiều cao ghế (cm)	26	28	30	34	37	41
- Chiều sâu ghế (cm)	26	27	29	33	36	40
- Chiều rộng ghế (cm)	23	25	27	31	34	36
- Chiều cao bàn (cm)	45	48	51	57	63	69
- Hiệu số chiều cao bàn ghế (cm)	19	20	21	23	26	28
- Chiều sâu bàn (cm)	45	45	45	50	50	50
- Chiều rộng bàn (cm)						
+ Bàn một chỗ ngồi	60	60	60	60	60	60
+ Bàn hai chỗ ngồi	120	120	120	120	120	120



Các kích thước cơ bản của bàn ghế

- Đo chiều cao của bàn: dùng thước đo chiều cao đứng từ **mép trên của cạnh sau của mặt bàn** (phía người ngồi) tới sàn nhà.
- Đo chiều cao của ghế: dùng thước đo chiều cao đứng từ **mép trên của cạnh trước mặt ghế** tới sàn nhà.
- Tính hiệu số chiều cao giữa bàn và ghế.

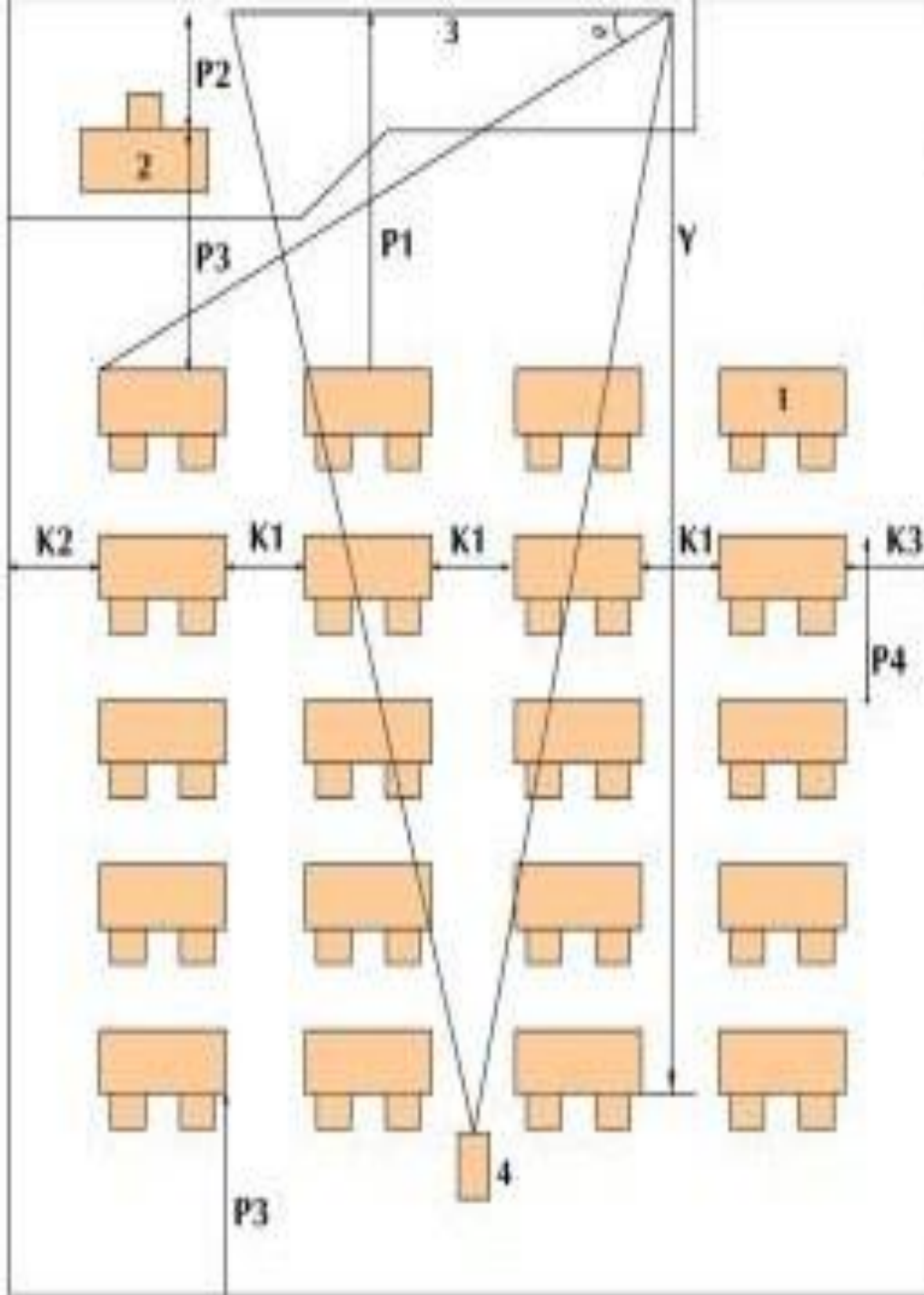
I. Bảo đảm các điều kiện về bàn ghế (tt)

Đối với Trường tiểu học; THCS; THPT; Trường phổ thông có nhiều cấp học; trường chuyên biệt

(Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)

- Bàn ghế được thiết kế tối đa không quá hai chỗ ngồi.
- Bàn và ghế rời nhau độc lập.





Tên kí hiệu và tên các cự ly cơ bản	Bàn hai chỗ ngồi(cm)
K1 -Khoảng cách giữa 2 dãy bàn	80
K2 - Khoảng cách giữa tường ngoài và dãy bàn ngoài	50
K3 - Khoảng cách giữa tường trong và dãy bàn trong	60
P1 - Khoảng cách từ bảng đến dãy bàn đầu	215
P4 - Khoảng cách giữa 2 bàn trong cùng một dãy	95 - 100
P5 - Khoảng cách từ hàng ghế cuối đến tường phía sau phòng học	40
α - Góc nhìn từ bàn đầu ngoài đến tâm bảng	$\geq 30^\circ$

ECGÔNÔMI - BỐ TRÍ BÀN GHẾ HỌC SINH TRONG PHÒNG HỌC

Bảng A.1 - Tỷ lệ các cỡ số bàn ghế trong một phòng học

Trường tiểu học			Trường trung học cơ sở		
Phòng học	Cỡ số bàn ghế	Tỷ lệ (%)	Phòng học	Cỡ số bàn ghế	Tỷ lệ (%)
Lớp 1	Cỡ số I	25	Lớp 6	Cỡ số III	10
	Cỡ số II	60		Cỡ số IV	67
	Cỡ số III	15		Cỡ số V	23
Lớp 2	Cỡ số II	60	Lớp 7	Cỡ số IV	45
	Cỡ số III	40		Cỡ số V	55
Lớp 3	Cỡ số II	25	Lớp 8	Cỡ số IV	20
	Cỡ số III	62		Cỡ số V	70
	Cỡ số IV	15		Cỡ số VI	10
Lớp 4	Cỡ số II	8	Lớp 9	Cỡ số IV	10
	Cỡ số III	53			
	Cỡ số IV	39			
Lớp 5	Cỡ số III	32		Cỡ số V	65
	Cỡ số IV	68		Cỡ số VI	25

I. Bảo đảm các điều kiện về bảng phòng học

Mầm non	Tiểu học	THCS, THPT
Mép dưới bảng cách nền (0,65m - 0,80m)	Mép dưới bảng cách nền (0,8m - 1,0m)	
- Bảng chống lóa; có màu xanh lá cây hoặc màu đen (nếu viết bằng phấn trắng), màu trắng (nếu viết bằng bút dạ). - Chiều rộng của bảng từ 1,2m - 1,5m, chiều dài bảng từ 2,0m - 3,2m - Bảng treo ở giữa tường, khoảng cách tới mép bàn học sinh đầu tiên không nhỏ hơn 1,8m.		

I. Bảo đảm các điều kiện về đồ chơi trẻ em

Mầm non

Tiểu học

THCS, THPT

Thông tư số 16/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong nhà trường.

Nhãn hàng hóa cần có: tên hàng hóa; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; **xuất xứ hàng hóa**; thành phần; thông số kỹ thuật; thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn; hướng dẫn sử dụng; hạn sử dụng; **chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy** và gắn dấu hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận

Đồ chơi được trang bị, sử dụng trong nhà trường phải **đảm bảo an toàn** khi sử dụng theo quy định tại **Thông tư số 18/2009/TT-BKHCN** ngày 26/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành và thực hiện “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em”.

I. Bảo đảm các điều kiện về chiếu sáng

Mầm non

Tiểu học

THCS, THPT

Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia

Mục 6.2 (TCVN 3907: 2011)

Mục 6.2 (TCVN 8793: 2011)

Mục 6.2 (TCVN 8794: 2011)

Sinh hoạt chung: 300 Lux
Chiếu sáng chung: 300 Lux
Phòng họp: 300 Lux
Phòng giáo viên: 300 Lux
Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng đa chức năng: 300 Lux
Hành lang, cầu thang: 100 Lux

Chiếu sáng phòng học: 300 Lux
Chiếu sáng bảng: 500 Lux
Phòng tin học: 300 Lux
Phòng đọc thư viện: 300 Lux
Phòng họp: 300 Lux
Phòng đa năng: 300 Lux
Hành lang, cầu thang: 100 Lux

Chiếu sáng phòng học: 300 Lux
Chiếu sáng bảng: 500 Lux
Phòng tin học: 300 Lux
Phòng đọc thư viện: 300 Lux
Phòng họp: 300 Lux
Phòng đa năng: 300 Lux
Hành lang, cầu thang: 100 Lux
Phòng thí nghiệm: 500 Lux

I. Bảo đảm các điều kiện về chiếu sáng (tt)

Mầm non

Tiểu học

THCS, THPT

Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia

Khi lắp đặt bóng đèn và quạt trần không được làm ảnh hưởng tới độ rọi.

Cửa sổ trong các phòng học phải đảm bảo chiếu sáng theo quy định. Tỷ lệ diện tích cửa sổ trên diện tích sàn từ 1/5 đến 1/6.

Trong các phòng học phải bố trí nguồn sáng thành từng dãy song song với tường có cửa sổ chính lấy ánh sáng, tuyệt đối không để hiện tượng phát tán ánh sáng



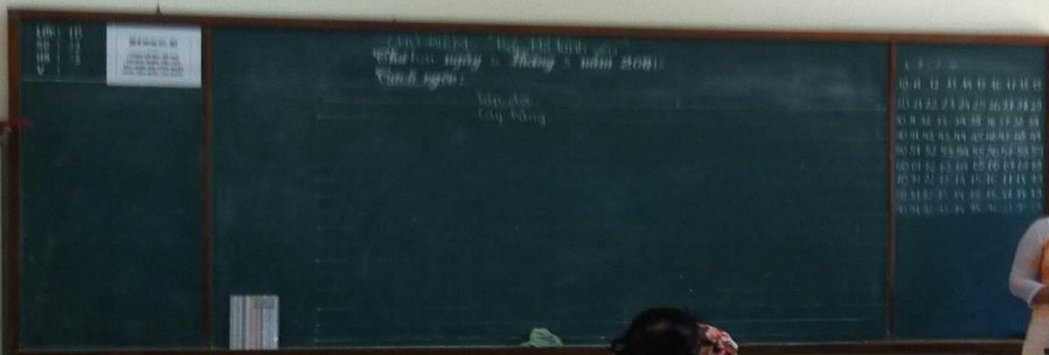
ĐOÀN KẾT

KÍNH TRỌNG THẦY CÔ



HỌC TỐT

DẠY TỐT





Còn su hơng đao
Thư hạc ngày 12 tháng 11 năm 2012

HỌC TỐT

- 5 ĐIỀU BẮC HỒ DẠY:
1. Yêu tổ quốc, yêu đồng bào.
 2. Học tập tốt, lao động tốt.
 3. Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
 4. Giữ gìn vệ sinh thật tốt.
 5. Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

RA LỚP HIỂU BÀI





5 ĐIỀU BÁC HỒ DẠY:

- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.
- Học tập tốt, lao động tốt.
- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt.
- Giữ gìn vệ sinh thân thể.
- Khám phá và sáng tạo.



**ĐẢM BẢO CẤP THOÁT NƯỚC,
VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**

Thể tích nước

- **Nước uống:** 0,5 lít/ mùa hè/học sinh và 0,3 lít/ mùa đông/ học sinh
- **Nước sinh hoạt:** Tối thiểu 4 lít/học sinh, nếu cấp bằng vòi tối đa 200 học sinh.
- **Trường nội trú:** Nước uống, sinh hoạt tối thiểu 100 lít/ học sinh/24 h.

Chất lượng nước

Nước uống đóng bình, đóng chai phải đạt QCVN 6-1: 2010/BYT.

Nước sinh hoạt (trạm cấp nước, giếng khoan, giếng đào...) phải đạt QCVN 01-1: 2024/BYT, hoặc Quy chuẩn địa phương.

Thiết kế công trình vệ sinh

Mầm mon: Theo tiêu chuẩn TCVN 3907-2011

Tiểu học: Theo tiêu chuẩn TCVN 8793-2011

Trung học cơ sở, trung học phổ thông:
Theo tiêu chuẩn TCVN 8794-2011

Đảm bảo điều kiện vệ sinh

- Tuân theo QCVN 01:2011 BYT;
- Nhà tiêu hợp vệ sinh:
 - + Bảo đảm cô lập được phân người, ngăn không cho phân chưa được xử lý tiếp xúc với động vật, côn trùng.
 - + Có khả năng tiêu diệt được các mầm bệnh có trong phân, không gây mùi khó chịu và làm ô nhiễm môi trường xung quanh.

Công trình vệ sinh

- Số lượng thiết bị:
- 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho từ 20-30 học sinh.
- Đối với học sinh nữ tối đa 20 học sinh/1 chậu xí.

Đảm bảo điều kiện vệ sinh

- Có 4 loại nhà tiêu cơ bản dưới đây:

1. Nhà tiêu khô chìm

2. Nhà tiêu khô nổi

3. Nhà tiêu thấm dội

4. Nhà tiêu tự hoại

Tùy từng loại nhà tiêu sẽ có các quy định khác nhau về điều kiện vệ sinh

Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng nhà tiêu tự hoại

- a) Bể chứa và xử lý phân không bị lún, sụt, rạn nứt, rò rỉ;
- b) Nắp bể chứa và bể xử lý phân được trát kín, không bị rạn nứt;
- c) Mặt sàn nhà tiêu nhẵn, phẳng và không đọng nước, trơn trượt;
- d) Bệ xí có nút nước kín;

Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng nhà tiêu tự hoại

- đ) Có mái lợp ngăn được nước mưa; cửa và xung quanh nhà tiêu được che chắn kín đáo, bảo đảm mỹ quan;
- e) Ống thông hơi có đường kính trong ít nhất 20mm, cao hơn mái nhà tiêu ít nhất 400mm;
- g) Nước thải từ bể xử lý của nhà tiêu tự hoại phải được chảy vào cống hoặc hố thấm, không chảy tràn ra mặt đất.

Yêu cầu về vệ sinh trong sử dụng nhà tiêu tự hoại

- a) Sàn nhà tiêu, bề mặt xí sạch, không dính đọng phân, nước tiểu;
- b) Không có mùi hôi, thối; không có ruồi, nhặng, gián trong nhà tiêu;
- c) Có đủ nước dội; dụng cụ chứa nước dội không có bọt gầy;

Yêu cầu về vệ sinh trong sử dụng nhà tiêu tự hoại

- d) Giấy vệ sinh sau khi sử dụng bỏ vào lỗ tiêu (nếu là giấy tự tiêu) hoặc bỏ vào dụng cụ chứa giấy bẩn có nắp đậy;
- đ) Nước sát trùng không được đổ vào lỗ tiêu;
- e) Phân bùn phải được lấy khi đầy; bảo đảm vệ sinh trong quá trình lấy, vận chuyển phân bùn.

Điểm rửa tay

- Trường học phải có chỗ rửa tay:
 - + Nước sạch,
 - + Xà phòng
 - + hoặc dung dịch sát khuẩn khác.

Thu gom xử lý nước thải

Trường học phải có:

- + Hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp;
- + Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, phòng y tế, nhà bếp, khu vệ sinh, khu nuôi động vật thí nghiệm;

Thu gom xử lý chất thải rắn

- Các trường học hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.
- Các trường tự thu gom và xử lý: Theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của QCVN 07:2010/BYT về phòng chống bệnh truyền nhiễm.

Thu gom xử lý chất thải rắn

- + Có quy định về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong cơ sở giáo dục.
- + Có thùng đựng và phân loại rác thải.
- + Thu gom và xử lý riêng rác thải của phòng y tế; phòng thí nghiệm; khu nuôi, nhốt động vật thí nghiệm.

Thu gom xử lý chất thải rắn

- + Có đủ dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời. Các phương tiện, dụng cụ này phải thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng;
- + Khu tập trung rác thải phải cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng. Khoảng cách không dưới 25m với khu nhà chính và nằm ở cuối chiều gió;

Thu gom xử lý chất thải rắn

- + Thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách đốt, chôn lấp hợp vệ sinh hoặc được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung.
- + Đối với các chất thải từ phòng y tế, phòng thí nghiệm, khu chăn nuôi động vật thí nghiệm, khu vệ sinh phải tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định hiện hành. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường.

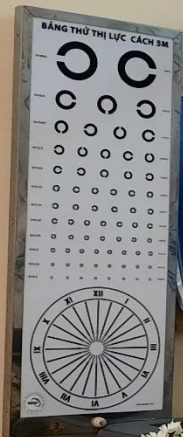
PHÒNG Y TẾ, NHÂN VIÊN Y TẾ

Phòng Y tế

- Có phòng y tế riêng, bảo đảm diện tích, ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe học sinh.
- Tối thiểu 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân.
- Có bàn làm việc, ghế, tủ đựng dụng cụ, thiết bị làm việc thông thường, cân, thước đo, huyết áp kế, nhiệt kế, bảng kiểm tra thị lực, bộ nẹp chân, tay.

Phòng Y tế

- Thuộc thiết yếu phục vụ cho công tác sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe học sinh theo quy định tại **Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008**.
- Có sổ khám bệnh theo mẫu A1/YTCS quy định tại **Thông tư 27/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014**.
- **Sổ theo dõi sức khỏe** học sinh theo mẫu số 01 và **sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe** học sinh theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo **Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT**.



Nhân viên y tế trường học

- ✓ Trình độ chuyên môn từ **y sĩ trung cấp trở lên** hoặc **ký hợp đồng** với Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Trạm Y tế xã) hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ hình thức phòng khám đa khoa trở lên để chăm sóc sức khỏe học sinh.
- ✓ Nhân viên y tế trường học phải được thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn y tế thông qua các hình thức hội thảo, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.
- ✓ Tham mưu, tổ chức thực hiện hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh

Các cơ sở giáo dục cử nhân viên y tế trường học tham gia và hoàn thành khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư số 28/2023/TT-BYT của Bộ Y tế **trước ngày 31/12/2025**

Ban chăm sóc sức khỏe học sinh

BAN CHĂM SÓC SỨC KHỎE HỌC SINH

TRƯỞNG BAN
(Ban giám hiệu)

PHÓ BAN
(Trạm trưởng TYT xã)

ỦY VIÊN

Ủy viên

- Ban đại diện cha mẹ học sinh
- Giáo viên giáo dục thể chất
- Tổng phụ trách đội
- Đại diện đoàn thanh niên
- Hội chữ thập đỏ trường học

Ủy viên thường trực
(Nhân viên y tế trường học)

Thông tư 33/2021/BYT

Thông tư gồm 11 điều, có hiệu lực 15/2/2022 thay thế
Thông tư 03/2000/TTLT-BYT-BGDĐT

Đối tượng áp dụng

Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp
và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác y
tế trường học trên lãnh thổ Việt Nam

Công tác YTTH

```
graph LR; A[Công tác YTTH] --> B[Chăm sóc sức khỏe HS, SV, HV]; A --> C[Truyền thông, giáo dục sức khỏe]; A --> D[Bảo đảm vệ sinh trường học]; A --> E[An toàn thực phẩm]; A --> F[Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân viên YTTH];
```

Chăm sóc sức khỏe HS, SV, HV

Truyền thông, giáo dục sức khỏe

Bảo đảm vệ sinh trường học

An toàn thực phẩm

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân viên YTTH

CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI HỌC

- **Sơ cứu, cấp cứu** cho người học theo quy định
- **Tổ chức khám sức khỏe cho người học:** khi mới nhập học & định kỳ ít nhất 01 lần/năm trong mỗi năm học
- **Theo dõi, kiểm tra sức khỏe** người học, phát hiện các yếu tố nguy cơ SK, bệnh tật để dự phòng, điều trị / chuyển tuyến điều trị

- Triển khai các biện pháp vệ sinh **phòng, chống dịch bệnh**
- **Tư vấn** cho người học về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, yếu tố NCSK, nâng cao SK, dinh dưỡng hợp lý, phát triển thể chất, tinh thần và hoạt động thể lực
- **Hướng dẫn** các biện pháp bảo đảm AT, VSLĐ, phòng, chống tai nạn, thương tích trong quá trình học tập, thực hành.

Truyền thông, giáo dục sức khỏe



Điều 5:

Đảm bảo vệ sinh trường học

1. Cơ sở giáo dục phải đáp ứng các yêu cầu vệ sinh chung, khu chức năng, phòng học trong học tập và giảng dạy theo các tiêu chuẩn thiết kế:
 - TCVN 3981:1985 - Trường đại học;
 - TCVN 4602:2012 - Trường trung cấp chuyên nghiệp;
 - TCVN 9210:2012 - Trường dạy nghề.

Chiếu sáng

- 2. Quy định tại điểm 4.2 Bảng yêu cầu về độ rọi duy trì tối thiểu cho các phòng, khu vực làm việc tại Mục 1 Phần II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 22:2016/BYT - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Tiếng ồn

3. Phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành phải bảo đảm quy định về tiếng ồn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 24:2016/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 24/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

Vi khí hậu

3. Quy định về vi khí hậu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 26:2016/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và bảo đảm các quy định về mức cho phép của các yếu tố có hại khác theo quy định.

An toàn

4. Phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành phục vụ dạy và học ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người học theo quy định tại Điều 70, Luật An toàn vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Nước uống

- 5. Nước uống phải bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 6-1:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Nước sinh hoạt

- 6. Nước sinh hoạt sử dụng từ các đơn vị cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hoặc tự khai thác phải bảo đảm tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT- BYT

Nhà vệ sinh

- 7. Nhà tiêu bảo đảm hợp vệ sinh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01:2011/BYT
- Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh;
- Bố trí chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh.

Thu gom chất thải

- 8. Bố trí thùng rác và thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt bảo đảm theo quy định tại khoản 4 Mục VII Phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 07:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hoặc hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt và thực hiện các quy định khác có liên quan tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân viên YTTH

- Bố trí phòng riêng ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu & chăm sóc SK người học
- Có trang thiết bị tối thiểu: giường khám bệnh, tủ đựng trang thiết bị y tế, tủ đựng thuốc và một số thuốc thiết yếu phục vụ cho công tác sơ cấp cứu theo quy định của pháp luật

Nhân viên y tế trường học

Trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên

Được đào tạo, tập huấn về sơ cứu, cấp cứu & cập nhật kiến thức chuyên môn y tế

Trực tiếp thực hiện khám, chữa bệnh: phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám, chữa bệnh

Không bố trí được nhân viên y tế trường học

Hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, hoặc cá nhân đủ tiêu chuẩn để thực hiện công tác y tế trường học

Cảm ơn sự chú ý lắng nghe!